

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10.7.2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến – Cán bộ hưu trí phường Bình Định

2. Bà Nguyễn Thị Thảo – Cán bộ hưu trí phường Bình Định

- Thư ký phiên tòa: Cô Nguyễn Mai Đoàn Thực – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (vắng mặt)

HKTT: Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Hiện trú tại: 237/52 đường L, Khu phố 1, phường H, Quận, TP. H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:** Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ông tại thôn L, xã N, cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2001 khi vợ sinh con thứ hai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng khắc khẩu nhau, gần như ngày nào cũng gây chuyện kình cãi. Cũng trong năm đó, vợ vào TP. H mưu sinh, được một năm thì ông dẫn con vào chung sống với vợ. Từ khi vào TP. H sống, vợ chồng lại tiếp tục gây gổ kình cãi nhau nên ông bỏ ra ngoài thuê nhà sống riêng, sau đó ông vẫn tiếp tục ở lại TP. H làm ăn sinh sống nhưng vợ chồng ít khi nào gặp mặt nhau. Khoảng năm 2009

ông nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhân dân Quận, TP. H. Tòa đã thụ lý và gọi lên làm việc nhưng bà L không chịu đến Tòa. Lúc đó vì nghĩ con còn nhỏ nên ông quyết định rút đơn ly hôn nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân. Đến năm 2019 ông bị bệnh phải mổ thay khớp nên quay về Bình Định để chữa trị, trong thời gian ông nằm viện, bà L cũng không có lần nào về thăm nom chăm sóc.

Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 26.6.1999 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 04.02.2001. Hiện cả hai người con đều đã trưởng thành, có việc làm nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Theo biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà không nhớ rõ bà và ông Nguyễn Văn D kết hôn vào năm nào nhưng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà và ông D sinh sống tại nhà cha mẹ chồng tại thôn L, xã N. Sau khi về chung sống thì không hạnh phúc, bởi vì ông D thường xuyên vắng nhà, không biết đồng lương của ông D là bao nhiêu, ông không quan tâm đến vợ con làm bà rất tủi thân. Bà có khuyên bảo nhưng ông D không thay đổi tính tình nên khi đứa con trai được 04 tuổi, bà vào TP. H lập nghiệp. Sau đó ông D vào TP. H sống với bà được 02 năm. Tưởng chừng ông D thay đổi, nhưng ông vẫn chứng nào tật đó, khi gặp khó khăn thì tìm đến bà để bà chăm sóc, khi khỏe mạnh thì lại thường xuyên vắng nhà. Vợ chồng bà sống ly thân khoảng 10 năm nay, trong thời gian này không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Nay bà không còn tình cảm gì với ông D nên thống nhất ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị T sinh năm 1999 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 04.02.2001. Hiện cả hai người con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L. Con chung và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Buộc đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm

tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn D khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nhưng qua xác minh xác định bà L hiện cư trú tại 237/52 đường L, Khu phố 1, phường H, Quận, TP. H. Tại biên bản ghi lời khai ngày 10.6.2020, bà L xác định bà không yêu cầu chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân quận, TP. H mà yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tiếp tục giải quyết vụ án. Do đó, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn là hoàn toàn phù hợp với luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Trong quá trình làm việc và lấy lời khai, ông D xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng là vợ chồng không hợp tính, thường xuyên gây gổ kình cãi nhau. Năm 2019, thời gian ông nằm viện để mổ thay khớp bà L cũng không có lần nào thăm nom chăm sóc ông. Ông xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Còn bà L cho rằng ông D thường xuyên vắng nhà, sống thiếu trách nhiệm và không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2009 thì vợ chồng sống ly thân. Bà xác định không còn tình cảm với ông D nên thống nhất thuận tình ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Tuy nhiên ông D có đơn yêu cầu không hòa giải, bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải do đó Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa các bên.

Xét yêu cầu của ông D, bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông D, bà L đều xác định do ông bà không hòa hợp về tính cách, thường xuyên kình cãi về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên mâu thuẫn kéo dài từ năm 2001 đến năm 2009 thì cả hai sống ly thân từ đó cho đến nay. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa ông D và bà L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L là phù hợp với thực tế mâu thuẫn.

[2.2] Về con chung: Ông D, bà L xác định vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 26.6.1999 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 04.02.2001. Cả hai người con hiện đã trưởng thành, có công việc nuôi sống bản thân nên ông D, bà L không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông D, bà L không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 195, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L.

2/ Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 26.6.1999 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 04.02.2001, cả hai người con hiện đã trưởng thành nên không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Ông D, bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông D phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004901 ngày 25.02.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THADS TX. An Nhơn
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Lệ